

BÀI 23

BIẾN ĐỘNG VỀ TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG TRONG DÂN TỘC H'MÔNG VÀ MỘT SỐ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY NGUYÊN ĐỐI VỚI SỰ ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN MIỀN NÚI

*Tiến sĩ Nguyễn Hồng Dương
Viện Nghiên cứu Tôn giáo*

Miền núi nước ta là địa bàn cư trú của hầu hết các dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc có ngôn ngữ, văn hoá, đặc biệt là tôn giáo, tín ngưỡng riêng biệt, tạo nên bức tranh đa sắc tôn giáo, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam. Vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số vùng núi nước ta hiện nay đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Đây là vấn đề rộng lớn và phức tạp, khó có thể đưa ra cái nhìn toàn cảnh. Có những dân tộc tôn giáo, tín ngưỡng cho đến nay ít biến động như Mường, Thái, Tày, Nùng, Hoa, Khơme... nhưng cũng có các dân tộc thiểu số vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng hiện nay đang có những biến động sâu sắc, tác động đến kinh tế, chính trị, xã hội không chỉ ở dân tộc đó mà còn đến đất nước. Trong khuôn khổ của nguồn tư liệu cho phép cũng như cái nhìn thực tế, bài viết của chúng tôi mang tựa đề: *Những biến động về tôn giáo tín ngưỡng trong dân tộc H'Mông và một số dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay đối với sự ổn định và phát triển miền núi.*

Dân tộc H'Mông ở miền núi phía Bắc nước ta, tôn giáo, tín ngưỡng đang có sự biến động trước sự xâm nhập của đạo Vàng Chứ - Tin Lành.

Các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên do sự phục hồi, phát triển của đạo Tin Lành đặc biệt là xuất hiện của Tin Lành ĐEGA dẫn đến sự biến động sâu sắc về tôn giáo, tín ngưỡng.

Dưới đây chúng tôi xin lần lượt trình bày từng vấn đề.

I. BIẾN ĐỘNG VỀ TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG TRONG DÂN TỘC H'MÔNG Ở MIỀN NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA

I.1. Vài nét về dân tộc H'Mông

H'Mông là một dân tộc có lịch sử phát triển lâu đời, sớm lập quốc gia, trình độ phát triển xã hội cao không thua kém người Hán. "Sau khi Nhà nước Tam Miêu sụp đổ là nước Sở tan vỡ, do bị đàn áp đẫm máu, người H'Mông (cùng người Dao) buộc phải thiên di xuống vùng Quý Châu, Hồ Nam, và Đông Vân Nam. Dân tộc H'Mông kiên cường bất khuất liên tục chống nhà Hán "Cứ 30 năm một cuộc nổi dậy vừa, 70 năm một cuộc khởi nghĩa lớn" kéo dài hàng ngàn năm"⁵⁸. Các cuộc khởi nghĩa đều thất bại, người H'Mông bị tổn thất nặng nề do chính sách diệt chủng, đốt sạch, phá sạch, giết sạch được các triều đình phong kiến Trung Hoa thực hiện triệt để.

⁵⁸ Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn: Về vấn đề truyền bá trái phép đạo Tin Lành, Vàng Chứ, Thần Hùng lên vùng đồng bào miền núi, Tr. 9. Trong cuốn: Về tình hình phát triển của đạo Tin Lành ở miền núi phía Bắc, Trường Sơn - Tây Nguyên. Hà Nội - 2000. Tài liệu nội bộ. Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Một bộ phận người H'Mông tan tác chạy xuống phương Nam, cư trú ở các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.

I.2. Địa bàn cư trú của người H'Mông ở nước ta

Số liệu thống kê năm 1999 của Tổng cục Thống kê cho biết, tại thời điểm đó, trên đất nước ta có 787.604 người H'Mông sinh sống⁵⁹. Địa bàn cư trú của người H'Mông ở hầu hết các tỉnh biên giới miền Đông Bắc, Tây Bắc, Việt Bắc nước ta. Nổi lên là các tỉnh Tuyên Quang (14.658), Cao Bằng (41.437), Lào Cai (123.778), Sơn La (114.578), Lai Châu (170.460), Yên Bái (60.736). Vùng cao nguyên Đồng Văn với các huyện Mèo Vạc, Quản Bạ, Yên Minh (Hà Giang) là nơi có người H'Mông sống tập trung nhất ở Đông Dương, nơi bảo lưu đầy đủ nhất cội nguồn của dân tộc này. Người H'Mông truyền nhau:

... *"Con chim có tổ*

Người H'Mông ta có quê

Quê ta Mèo Vạc... "

Hiện tại (1999) ở Hà Giang có 183.994 người H'Mông sinh sống.

I.3. Về mặt xã hội

Người H'Mông cư trú theo làng bản (giao). Mỗi làng bản có từ vài chục nóc nhà có thể thành một điểm hoặc một số điểm gần nhau. Tuy nhiên yếu tố làng lỏng lẻo. Quan hệ dòng họ "những người cùng tổ tiên", "cùng ma" mới chặt chẽ. Xã hội người H'Mông (truyền thống và hiện tại) tổ chức dòng họ được xem là quan trọng. Đó là ông trưởng họ (uôthầu), bà cô (phâux) và người cầm quyền ma, quyền khách (cho đáng khô). Vai trò của bà cô nhiều khi quan trọng hơn trưởng họ. Dòng họ của người H'Mông vượt qua ranh giới quốc gia. Người H'Mông có luật tục buộc các thành viên phải chấp hành. "Đường lý", "đường lễ" hình thành từ lâu đời, các thế hệ tiếp nhau cứ thế thực hiện.

I.4. Vài nét về văn hoá của người H'Mông

Ngược dòng lịch sử, người H'Mông vốn cư trú ở miền đất phía Nam sông Trường Giang với những đặc điểm của nền văn hoá lúa nước. Thiên di đến Việt Nam, người H'Mông sống chủ yếu ở miền rẻo cao. Các thế hệ của người H'Mông từ đây gắn với núi đá, với "Cổng trời" quanh năm mây phủ. Mọi sinh hoạt của người H'Mông trong đó có văn hoá, có lẽ đã bị núi đá chi phối. Vì vậy có nhà nghiên cứu gọi văn hoá H'Mông là "văn hoá núi".

Chúng tôi chưa có dịp tiếp xúc với nhiều nguồn tư liệu nên không thể lý giải sự chuyển đổi của văn hoá H'Mông khi họ bị "búng" ra khỏi nền văn hoá lúa nước, tạo lập văn hoá núi. Nhưng điều khẳng định là dân tộc H'Mông ở Việt Nam có nền văn hoá khá đa dạng và độc đáo. Trải sự thăng trầm của lịch sử, nền văn hoá ấy vẫn được duy trì và phát triển. Tiếng khèn H'Mông với âm thanh dìu dặt, trầm ấm đã giúp người H'Mông biểu đạt các làn điệu dân ca, lời cầu hôn... Thậm

⁵⁹ Tổng cục Thống kê : *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999, kết quả điều tra toàn bộ*. NXB Thống kê, Hà Nội 8-2001. Tr. 21.

chỉ khi có điều gì đó không hài lòng với nhau người H'Mông cũng dùng tiếng khèn để thể hiện. Thật là lối ứng xử có văn hoá chỉ có ở dân tộc này. Chợ tình Khâu Vai (27/3) một năm chỉ mở vào mùa xuân, mùa xanh tươi cỏ cây hoa lá, mùa của phồn thực. Trong phiên chợ năm chỉ mở một lần, một lần chỉ có một ngày này, người H'Mông ở các lứa tuổi đã từng yêu nhau mà không lấy được nhau hăm hở vượt núi sắc nhọn tai mèo về đây gặp mặt nhau để được giải bày được tâm sự. Dân tộc H'Mông có kho tàng truyện cổ tích, kho tàng tục ngữ, câu đối. Hội chơi núi của người H'Mông phải chăng là một biểu hiện đặc thù của "văn hoá" núi.

I.5. Về tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống

Người H'Mông cho rằng, trong vũ trụ, có hai thế giới cùng tồn tại. Đó là thế giới trên mặt đất, nơi con người sinh sống, và thế giới trên trời, nơi có Ông Trời, vua trời (Nhux haz) và các vị thần của người H'Mông. Tổ tiên của người H'Mông cũng sống ở trên trời. Thế giới thần linh của người H'Mông đa dạng. Các vị thần giúp đỡ họ cách "làm ăn, làm uống", dạy họ cách ứng xử trong nội, ngoại tộc. Có thể kể một số vị thần: Ông Chở Nghĩa giúp họ xây dựng "đường lý, đường lẽ", ông Lias Lư định là luật cưới xin, bà Niav NgâuLchơ dạy cách thêu thùa...

Tín ngưỡng truyền thống của người H'Mông là thờ đa thần. Trong mỗi căn nhà, nơi thờ cúng Tổ tiên, thần nhà và thần cửa được coi là chỗ thiêng liêng nhất. Thờ cúng Tổ tiên là một hình thức tín ngưỡng quan trọng của người H'Mông. Tổ tiên luôn có sự chi phối đến số phận con cháu, phù hộ hoặc trừng phạt. Nghi lễ thường được tiến hành đơn giản nhưng rất trang nghiêm, thường được thực hiện vào lễ đón mừng năm mới, lễ cưới xin, lễ tang ma, lễ cơm mới, lễ đặt tên trẻ sơ sinh, lễ trưởng thành, lễ gọi vía, lễ thả hồn...

Tôn giáo truyền thống mà người H'Mông theo là Đạo giáo theo ngành lên đồng. Đạo giáo vốn xuất phát từ phía Nam sông Dương Tử vùng đất vốn xưa kia là nơi sinh sống của người H'Mông.

Một điểm khiến chúng ta không thể không nhắc đến là có một số người H'Mông theo Công giáo. Ngay từ khi thôn tính được nước ta, thực dân Pháp đã cử nhiều đoàn khảo sát mà hầu hết là giáo sĩ, võ quan lên miền núi đặc biệt là miền rẻo cao khảo sát đặc điểm dân tộc và văn hoá của các dân tộc thiểu số nơi đây để thực hiện chính sách nô dịch. Dùng đạo, rượu cồn và thuốc phiện để mê hoặc lòng người đó là ý đồ nô dịch của chủ nghĩa thực dân. Nằm trong âm mưu này, thực dân Pháp một mặt đưa cây thuốc phiện lên trồng ở vùng đất người H'Mông, một mặt chúng phát triển đạo ở vùng này. Giáo sĩ Savina với sự hỗ trợ của viên quan năm Roux Trần Văn Chũ khảo sát ở vùng dân tộc H'Mông và một số dân tộc khác. Để phục vụ cho ý định truyền giáo chúng tuyên truyền các dân tộc đều bình đẳng trước Chúa. Chúng tôn giáo hoá di sản văn hoá dân tộc H'Mông. Kinh thánh được dịch ra chữ Mông để truyền đạo trong dân tộc này. Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã có một số người H'Mông ở Sapa và Nghĩa Lộ theo đạo. Nhà thờ bằng gỗ vùng dân tộc H'Mông được xây dựng từ năm 1905 ở Sapa và Nghĩa Lộ⁶⁰. Nhà thờ Sapa sau được kiên cố hoá. Theo tài liệu của Giáo hội Công giáo, đến năm 1995, xứ đạo Sapa (thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai) có 1.073 giáo dân, một phần lớn trong số họ là người H'Mông.

Vậy là Thực dân Pháp đã thành công trong việc đưa cây thuốc phiện và "cấm" được đạo Công giáo trong người H'Mông. Cây thuốc phiện hiện đã được bà con phá bỏ. Đạo Công giáo

⁶⁰ Văn hoá dân tộc Hà Giang. Sở Văn Hoá - Thông tin - Thể thao Hà Giang 1996, tr. 19.

truyền bá trong dân tộc H'Mông kết quả tuy không lớn nhưng một mặt nó chứng tỏ sự thành công của các giáo sĩ trong việc truyền bá đạo lên miền núi phía Bắc nước ta, mặt khác sự "cấm rỗi" của đạo đã là một trong những nguyên nhân của việc phát triển đạo, ban đầu là Công giáo, sau là Tin Lành vào dân tộc H'Mông.

I.6. Quá trình truyền bá phát triển đạo trong đồng bào H'Mông

Quá trình truyền bá phát triển đạo trong đồng bào H'Mông từ năm 1986 đến nay có thể chia thành 3 giai đoạn chính.

I.6.1. Giai đoạn thứ nhất (từ năm 1986 đến 1990)

Điểm xuất hiện đầu tiên liên quan đến người H'Mông theo đạo là bản Ít Lót và Nậm Lạnh xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã tỉnh Sơn La. Người tuyên truyền là Thào Bá Hụ sau khi đi Trạm Tấu, Yên Bái (tháng 4 - 1986) trở về. Thào Bá Hụ tuyên truyền bỏ bàn thờ Tổ tiên, tung tin "vua Vàng Chứ" sắp xuất hiện. Đến tháng 8 - 1986 có 8/17 hộ ở bản Ít Lót tin theo. Đến cuối năm 1989 việc truyền và học đạo xuất hiện ở 9 bản, 5 xã, 2 huyện Sông Mã và Mai Sơn⁶¹.

Tháng 7-1987 hiện tượng truyền bá đạo xuất hiện ở bản Háng Xung Trên (Phì Nhừ, Điện Biên, Lai Châu). Cuối năm này có 21 hộ, 130 người ở 2 bản thuộc xã Phì Nhừ theo đạo. Như vết dầu loang, số người theo đạo ở Lai Châu tăng theo năm tháng. Năm 1988 có 114 hộ 428 người theo đạo ở 9 bản, 5 xã thuộc huyện Điện Biên. Cuối năm 1989 ở địa bàn tỉnh Lai Châu có 519 hộ, 3554 người theo đạo ở 44 bản, 20 xã, 5 huyện. Cuối năm 1990 đạo phát triển ở 62 bản, 23 xã, 6 huyện ở tỉnh Lai Châu, số hộ theo là 811 hộ, 5.361 người.

Năm 1987, Đào Đình Hoảng, trưởng bản ở xã Yên Hương huyện Hàm Yên (Hà Tuyên), cùng Dương Văn Minh qua nghe đài FEBC tuyên truyền về Vàng Chứ. Đầu năm 1989 Hoảng và Minh tự nhận là người của Vàng Chứ, dựng cổng chào, viết khẩu hiệu chờ đón Vàng Chứ mà họ loan tin là Vua của người H'Mông. Sự kiện Vàng Chứ ở Hàm Yên nhanh chóng lan ra người H'Mông gốc Cao Bằng, Hà Giang sống ở Tuyên Quang. Số người theo đạo ở tỉnh Tuyên Quang tăng nhanh: Tháng 10/1989 mới có 50 hộ ở Hàm Yên, đến năm 1990 lan ra 5 huyện, số người H'Mông theo đạo lên tới 80%, riêng huyện Hàm Yên lên tới 95%.⁶²

Cho đến cuối năm 1990 các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta có người H'Mông cư trú đều có sự truyền bá phát triển đạo với số người theo tỷ lệ phần trăm rất lớn.

Việc theo đạo của người H'Mông giai đoạn này bắt đầu bằng việc "xưng vua", "đón vua" tâm lý thường thấy trong người H'Mông. Xuất hiện một nhân vật huyền thoại VÀNG CHỨ mà có lẽ trước đó không một người H'Mông nào biết đến. Đây là nhân vật nửa hư, nửa thực. Một nhân vật đầy quyền uy, có sức mạnh vô song chế ngự các loại thần ma, cả Chúa Trời, Chúa Đất, có khả năng biến sỏi đá thành ngựa, lợn gà, cây cỏ thành ngô, lúa, nuôi sống người H'Mông. Người H'Mông được Vàng Chứ đưa đến vương quốc của cuộc sống sung sướng, bất tử, thoát khỏi tập tục cũ. Từ đấy có sự tuyên truyền rằng người H'Mông muốn sung sướng phải đi theo Vàng Chứ,

⁶¹ Báo cáo tình hình truyền và học đạo trái phép - Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ Sơn La, tháng 10-1999.

⁶² Báo cáo quá trình du nhập đạo Tin Lành vào địa bàn tỉnh Hà Giang - BCH Quân sự Tỉnh, số 1035-BC/CT, ngày 15-5-1999.

cũng có nghĩa là đi theo *con đường mới*. Muốn vậy người H'Mông phải bỏ việc thờ cúng Tổ tiên, không uống rượu, tập tục ma chay cưới xin cũ cũng phải bãi bỏ.

Những người truyền đạo tung tin hù dọa: Vàng Chứ sắp xuất hiện, ai không cúng sẽ bị nước cuốn trôi, phải tập bay để theo Vàng Chứ, người qua đời phải chôn nông để Vàng Chứ đến kịp bay, trên mộ phải cắm thập giá để Vàng Chứ dễ nhận ra.

Dựa vào các văn bản và nguồn tư liệu từ thực tế, theo chúng tôi thời kỳ này trong cộng đồng người H'Mông từ chỗ nghe một số kẻ cầm đầu tung tin đến chỗ có một bộ phận tin theo Vàng Chứ, cúng Vàng Chứ, bỏ thờ cúng tổ tiên và một số tập tục lâu đời của dân tộc mình.

1.6.2. Giai đoạn thứ hai (từ năm 1991 đến năm 1992)

Cuối năm 1989 trong cộng đồng người H'Mông ngoài nhân vật huyền thoại Vàng Chứ, còn biết đến Giê su qua đài Venitas. Vàng Chứ theo Giê su vậy ai theo Vàng Chứ phải theo Chúa Giê su. Phải đọc kinh cầu nguyện. Đây là *con đường mới*. Người đi theo phải học "cách cúng mới", học làm dấu thánh giá, học hát thánh ca, đọc Kinh thánh bằng chữ H'Mông, bỏ bàn thờ tổ tiên, treo ảnh Chúa hoặc cây Thánh giá, tổ chức nghe đài Venitas.

Người H'Mông ở 6/7 huyện của tỉnh Lai Châu năm 1990 từ chỗ theo Vàng Chứ nay chuyển sang tin theo Vàng Chứ - Giê su. Từ năm 1992 một số người cầm đầu tung tin theo Vàng Chứ là mê tín, trái pháp luật Nhà nước. Theo Chúa Giê su Nhà nước cho phép. Số người cầm đầu cử người đến một số nhà thờ Công giáo ở Trạm Tấu (Yên Bái), nhà thờ Thị xã Tuyên Quang học đạo, lôi kéo đồng bào theo đạo Công giáo. Linh mục Trần Ngọc Thiết viết đơn gửi Ủy ban tỉnh Lai Châu đề nghị cho đồng bào theo đạo Công giáo.⁶³ Linh mục Nguyễn Đình Đậu ở nhà thờ Yên Bái, cung cấp Kinh thánh, ảnh Chúa, băng catsset, thánh giá, chỉ dẫn người H'Mông cách làm dấu Thánh giá, đọc kinh và hát thánh ca bằng tiếng H'Mông.

Khi bị chính quyền tỉnh Lai Châu ngăn cấm việc truyền đạo trái phép, một số người H'Mông ở Hà Huôi Chèm, xã Ảng Tổ huyện Tuần Giáo như Hồ A Rúa, Ly A Súa, Hồ A Dế, Giếng Lênh... làm đơn kiến nghị. Đơn gửi cho Hội đồng Chính phủ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Trung ương, Ủy ban Dân tộc Trung ương, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, Tòa Giám mục Hưng Hoá - Sơn Tây, Cha xứ Nhân Nghĩa, Cha xứ Yên Bái, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Đơn đề nghị, đề ngày 15 tháng 02 năm 1992⁶⁴.

Như vậy, giai đoạn này một bộ phận người H'Mông xin chuyển theo đạo Công giáo. Song Công giáo Việt Nam cụ thể là toà Tổng giám mục Hà Nội, toà Giám mục Hưng Hoá đã không có chủ trương, kế hoạch để đón tiếp họ. Sau này họ đã lấy làm tiếc nuối vì vô tình để tuột khỏi tay hơn 5 vạn giáo dân⁶⁵.

Một vài số liệu người H'Mông theo đạo thời kỳ này.

⁶³ Báo cáo tổng kết 10 năm công tác công an phòng ngừa và đấu tranh chống truyền đạo trái phép trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu (1987-1997) - Công an tỉnh Lai Châu, số 01/TK (PA 39), ngày 5-5-1999.

⁶⁴ Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên: Tư liệu lịch sử về địa phận Hà Nội 1954-1994. Quyển I, Theo niên hiệu. Hà Nội 1999. Tr. 763-764.

⁶⁵ Trung tâm khoa học về tín ngưỡng tôn giáo - Sự phát triển đạo Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc ít người ở một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay - kỷ yếu đề tài cấp Bộ - Hà Nội, 1999.

Cuối năm 1991, tỉnh Sơn La có 346 hộ, 2936 người ở 3 huyện Sông Mã, Mai Sơn, Mường La.

Tỉnh Lai Châu cuối năm 1992 có 1608 người ở 75 bản, 33 xã của cả 7 huyện trong tỉnh.

1.6.3. Giai đoạn thứ ba (từ năm 1993 đến nay)

Công giáo là tôn giáo có hệ thống tổ chức chặt chẽ, người theo đạo phải học bốn, học và thuộc nhiều kinh. Nghi lễ Công giáo phức tạp. Cộng đồng tín đồ phải có nhà thờ, có linh mục làm lễ. Đó là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc người H'Mông sau một thời gian làm quen đã từ bỏ đạo này. Ngoài ra còn có những nguyên nhân khác: Giáo hội Công giáo đã không có sự chuẩn bị để đón nhận họ. Ở một số nơi đồng bào khùng hoảng hốt đi tìm đạo, đành phải quay trở lại với Vàng Chứ. Trong khi chính quyền các cấp chưa nhìn nhận ra vấn đề này thì đài FEBC thay thế đài Venitas kịp thời hướng dẫn bà con đến Hội Thánh Tin Lành số 2 Ngõ Trạm (Hà Nội) để học đạo Tin Lành.

Bắt đầu là Thào Bá Hụ, Vàng Seo Lan (đầu năm 1992) sau đó (tháng 10 - 1993) 10 người khác về Hội Thánh Tin Lành miền Bắc học đạo. Họ được các mục sư và tuyên đạo ở đây cung cấp Kinh thánh, băng cassette, mẫu đơn in sẵn đăng ký theo Tin Lành, được hướng dẫn nghe đài FEBC và hát thánh ca, những điều người theo đạo phải thực hiện.⁶⁶

Những người tích cực truyền đạo ở Lai Châu, thông qua những người học đạo ở Hội Thánh Tin Lành miền Bắc tiếp tục về Hà Nội học đạo và trở về quê truyền đạo. Tiếp theo đạo phát triển ở Yên Bái, ở Tuyên Quang. Từ tháng 3-1997 đạo "xâm nhập" lên cao nguyên Đồng Văn, quê tổ của người H'Mông ở nước ta.

Đến cuối năm 1999 ở tỉnh Lai Châu có 34.166 người, trong đó Đảng viên 34, trưởng phó bản 88, Ủy viên Ủy ban xã 7, đại biểu Hội đồng nhân dân xã 60, dân quân xã 99, Công an xã 30, cán bộ đoàn thể 40, đoàn thanh niên 1.376, hội viên Hội phụ nữ 874... có 288 đối tượng tích cực: Vàng A Sinh là Anh hùng lực lượng vũ trang, Giàng A Sinh nguyên là Huyện đội trưởng nghỉ hưu, Hạng Sin Vá là bộ đội biên phòng nghỉ việc⁶⁷.

Số liệu đến năm 1999 ở Lào Cai có 15.000 người H'Mông theo đạo phân bố ở các huyện như: Than Uyên 795 người, Bắc Hà 3.265 người, Bảo Yên 3117 người, Bảo Thắng 2.660 người, Văn Bàn 301 người... Trong số 200 phần tử tích cực truyền đạo, có 82 người đã về Hội thánh Tin Lành miền Bắc từ 1 - 5 lần để học đạo và mang tài liệu về cho đồng đạo. Chính quyền địa phương thu 50 giấy chứng nhận là tín đồ do Hội thánh Tin Lành miền Bắc cấp⁶⁸.

1.7. Một số đặc điểm đáng lưu ý của giai đoạn này

Quần chúng theo đạo nhận mình là tín đồ của đạo Tin Lành. Nhiều cốt cán được cử về Hội thánh Tin Lành miền Bắc (số 2 Ngõ Trạm - Hà Nội) học đạo. Họ được Hội thánh cung cấp kinh thánh, tài liệu hướng dẫn thủ tục xin phép chính quyền công nhận mình là tín đồ qua những lá đơn

⁶⁶ Báo cáo tình hình truyền và học đạo trái phép. Đã dẫn.

⁶⁷ Báo cáo tổng kết 10 năm công an phòng ngừa và đấu tranh chống truyền đạo trái phép trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu. Đã dẫn.

⁶⁸ Viện Nghiên cứu Tôn giáo. Những vấn đề liên quan đến hiện tượng Vàng Chứ (Tài liệu nội bộ) Hà Nội, 1998.

được in sẵn. Vai trò của Hội thánh Tin Lành miền Bắc là rất lớn trong việc truyền bá, phát triển đạo trong người H'Mông.

Những người tích cực khi được Hội thánh Tin Lành miền Bắc công nhận là tín đồ đã có những vai trò rất lớn trong việc truyền đạo. Họ dạy những người xung quanh học hát thánh ca, làm báp têm bằng cách đưa người ra ngoài suối vắng để dim. Họ truyền bá kinh thánh. Đặc biệt những phần tử cực đoan tiến hành o ép hù dọa người theo đạo, lôi kéo cán bộ đảng viên thông qua những người thân của họ.

Trong cộng đồng dân tộc H'Mông xuất hiện những tụ điểm cầu nguyện. Ở tỉnh Lai Châu hình thành 100 điểm: Xuất hiện một số điểm nóng ở Pu San Cáp, Hồng Thu, Tủa Sín Chải (Sìn Hồ), Nùng Nàng, Khuôn Há, Tông Qua Lìn (Phong Thổ), Chà Cang (Mường Lay), Ảng Tờ, Mường Mùn (Tuần Giáo), Phi Như, Phình Giàng (Điện Biên)...

Hình thức tổ chức đạo ở các xã thuộc tỉnh Lai Châu dựa theo tổ chức của chính quyền như: Bí thư đạo, chủ tịch đạo, thư ký đạo, thanh tra đạo, chủ tịch mặt trận đạo, các thành viên đoàn thể đạo, tuyên truyền viên đạo. Ở các thôn bản hình thành các phần tử cầm đầu đạo.

Ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, việc sinh hoạt đạo được quy định vào thứ 5 và chủ nhật hàng tuần.

Xuất hiện hiện tượng đồng bào bỏ đạo. Song những người này không muốn quay lại với tín ngưỡng cổ truyền. Thể hiện rõ nhất ở một số huyện như Chiêm Hoá, Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang. Số liệu đến năm 1999 ở tỉnh này có 860 hộ, 5.631 người bỏ đạo bỏ luôn cả tín ngưỡng cổ truyền.

Một đặc điểm không thể không nhắc đến của thời kỳ này là trong khi quần chúng theo đạo nhận mình là tín đồ đạo Tin Lành thì các cơ quan chính quyền lại gọi họ với những tên khác nhau: Đạo Vàng Chứ; Đạo Vàng Chứ - Tin Lành; đạo Tin Lành - Vàng Chứ; người H'Mông theo đạo (nhưng không nói rõ đạo gì); Thiên chúa giáo, Kitô giáo, Giả Tin Lành.

I.8. Vậy đạo mà người H'Mông theo là đạo gì?

Như phần trên chúng tôi trình bày, giai đoạn đầu (1986-1990) trong cộng đồng người H'Mông từ chỗ nghe một số kẻ cầm đầu tung tin đến chỗ có một bộ phận tin theo Vàng Chứ, cúng Vàng Chứ, bỏ thờ cúng tổ tiên và một số tập tục lâu đời của dân tộc mình. Giai đoạn thứ hai (1991 đến 1992): Một bộ phận người H'Mông xin chuyển theo đạo Công giáo. Song đây là tôn giáo có hệ thống chặt chẽ, nghi lễ phức tạp, vả lại Giáo hội Công giáo đã không kịp có kế hoạch truyền bá, phát triển đạo đối với họ nên sau một thời gian ngắn bộ phận tin theo đạo này đã bỏ đạo. Giai đoạn thứ ba (từ 1993 đến nay), người H'Mông lần lượt chuyển sang học, theo đạo Tin Lành, thể hiện qua một số nghi thức sau đây:

Bỏ thờ cúng tổ tiên (Tin Lành không chấp nhận thờ cúng tổ tiên).

Không chấp nhận các nghi thức thờ phụng khác kể cả lễ hội, đàn hát dân ca dân tộc.

Thực hiện một số điều răn và cấm kỵ:

Một vợ một chồng. Cấm ngoại tình.

Cấm uống rượu, bia.

Người chết không để quá 24 giờ.

Thực hiện một số nghi lễ, nghi thức Tin Lành.

Làm dấu Thánh giá.

Báp têm (đưa nhau ra tuổi để dìm).

Nhóm họp, cầu nguyện, hát thánh ca.

Học, đọc kinh thánh.

Cắm thập giá trên mộ người qua đời.

Về hệ thống tổ chức: thành lập các ban hiệp nguyện.

Niềm tin và hiểu biết về tôn giáo của hầu hết người theo đạo còn mơ hồ.

I.9. Ảnh hưởng của việc truyền bá phát triển đạo trong người H'Mông

Trước hết nó làm đảo lộn trật tự xã hội truyền thống, một xã hội lấy dòng họ làm nền tảng, nền tảng ấy bao đời nay duy trì lớp lang, ổn định xã hội người H'Mông. Nay ông trưởng họ, bà cô và người cầm quyền ma, quyền khách hoặc mờ nhạt, hoặc mất vai trò. Thay vào đó là những phần tử tích cực truyền đạo. "Đường lý, đường lẽ" bị xem là con đường cũ lạc hậu, thay vào đó là "đường mới".

Tín ngưỡng, tôn giáo, văn hoá truyền thống bị loại bỏ. Thế giới thần linh và quan niệm vũ trụ bị triệt tiêu. Người theo đạo không còn thờ cúng tổ tiên, không còn chơi hội núi, hát dân ca, thổi khèn vì cho rằng vì đó mà gọi MA về. Mà MA thì đối lập với Chúa Kitôcrít.

Mâu thuẫn xảy ra trong mỗi gia đình, dòng họ, thôn bản, giữa những người theo đạo và không theo đạo. Khi giỗ chạp, ăn uống, hội họp người theo và không theo không ăn cùng, không ngồi chung. Thời kỳ đầu người không theo đạo thường tránh không gặp người theo đạo. Có gia đình người con theo đạo công kích người bố không theo, người bố đã dùng dao đe giết con.

Hậu quả về kinh tế là hết sức nặng nề. Bọn xấu xúi dục hàng ngàn quần chúng tìm đường sang Lào; hàng vạn quần chúng di dịch cư đến Lai Châu, Sơn La. Một số thôn bản toàn bộ cư dân bỏ làng bản, tài sản, ruộng nương ra đi trong đó có một số làng bản kéo đến Tây Nguyên. Việc di dịch cư gây khó khăn cho địa phương mà đồng bào đến, gây nên nạn phá rừng. Không ít người lâm vào cảnh đói kém, con cái thất học, bệnh tật phát sinh. Một số người có tâm lý không chịu làm, chờ đợi những phép lạ của Vàng Chứ, của Chúa Trời. Bà con phải nộp thuế 10%, và phải đóng góp tiền của cho bọn truyền đạo nên đời sống đã khó khăn còn khó khăn hơn.

Hoạt động truyền đạo trong người H'Mông mang màu sắc chính trị phản động, tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định chính trị cơ sở. Những thành tựu mà Đảng, Chính phủ đem lại cho người H'Mông bị bọn xấu xuyên tạc đó là công của Vàng Chứ của Chúa Trời. Chúng tuyên truyền cho việc thành lập vương quốc của người H'Mông. Ở một số xã, thôn bản hệ thống chính quyền cơ sở bị vô hiệu hoá. Bọn xấu thành lập tổ chức đạo lồng ghép vào tổ chức chính quyền cơ sở. Quần chúng nhiều nơi bị bọn xấu kích động tụ tập đấu tranh, tạo nên những điểm nóng, ẩn chứa nguy cơ mất ổn định chính trị.

Tuy vậy, cũng cần phải thừa nhận việc truyền đạo trong đồng bào H'Mông tạo ra một số yếu tố tích cực nhất định như xoá bỏ được những tập tục nặng nề về ma chay cưới xin; Người theo đạo không nghiện rượu, bia, không hút thuốc lá, thuốc phiện, hôn nhân một vợ một chồng được đề cao. Nhiều nơi cư dân ăn ở vệ sinh hơn, ốm đau không còn cúng mà lo đi đến cơ sở y tế chữa bệnh.

II. BIẾN ĐỘNG VỀ TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG TRONG MỘT SỐ DÂN TỘC TRƯỜNG SƠN - TÂY NGUYÊN Ở TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

II.1. Vị trí địa lý, tộc người và tôn giáo tín ngưỡng

II.1.1. Vị trí địa lý

Tây Nguyên, còn gọi là cao nguyên Trung Bộ, gồm 4 tỉnh, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng. Diện tích tự nhiên: 56.129 km², nằm ở 11°13' - 15°15' vĩ độ Bắc, 107°02' - 109°05' kinh độ Đông, chiếm gần 17% diện tích cả nước. Dân số tính đến 1-4-1999 có 4.059.928 người, bình quân khoảng 70 người/1km², đến tháng 3-2001 là 4,248 triệu người⁶⁹. So sánh năm 1976 dân số Tây Nguyên tăng hơn 3,5 lần, chủ yếu tăng cơ học. Riêng di dân tự do là 805 ngàn người⁷⁰.

II.1.2. Tộc người

Địa bàn Tây Nguyên có khoảng 40 dân tộc sinh sống. Dân tộc Kinh chiếm khoảng 70%, ngoài ra là các dân tộc khác. Có thể kể một số dân tộc như: Gia Rai, Ngái, Êđê, Bana, Xơ đăng, Cơho, Hrê, M'nông, Ra Glai, Xtriêng, Giẻ triêng, Mạ, Khơ mú, Chu ru... Các dân tộc phân bố không đều: Chủ yếu là ở Gia Lai (286.952 người), Kon Tum (15.887 người), Đắk Lắk (12.014 người); Dân tộc Ê Đê ở Đắk Lắk (249.096 người); Dân tộc Ba na ở Gia Lai (117.546 người), Kon Tum (37.519 người); Dân tộc Xơ đăng ở Kon Tum (78.741 người), Đắk Lắk (5.672 người); Dân tộc Giẻ triêng ở Kon Tum (25.463 người); Dân tộc Sán chay ở Đắk Lắk (3.307 người); Dân tộc M'nông ở Đắk Lắk (61.301 người) ở Lâm Đồng (9.702 người); Dân tộc Bru Vân Kiều ở Đắk Lắk 2.777; Dân tộc Mạ ở Đắk Lắk (5.449 người), ở Lâm Đồng (25.319 người); Dân tộc Cơ ho ở Lâm Đồng (112.926 người); Dân tộc Chu ru ở Lâm Đồng (14.585 người).

II.1.3. Tôn giáo, tín ngưỡng

Tất cả các tôn giáo có mặt ở Việt Nam đều hiện diện ở Tây Nguyên như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Hoà Hảo. Cuộc điều tra dân số tháng 4-1999 cho biết tín đồ của từng tôn giáo ở Tây Nguyên như sau:

	Dân số	Phật giáo	Công giáo	Tin Lành	Cao Đài	Hồi giáo	Hoà Hảo	OXĐ
Tổng số	4.059.928	389.416	634.615	244.769	20.633	76	93	11
Lâm Đồng	998.027	167.691	245.324	55.888	12.823	49	24	11
Kon Tum	314.216	24.601	96.088	9.111	443	6	3	
Gia Lai	966.950	65.574	76.653	66.650	3.224	3	17	
Đắk Lắk	1.780.735	131.550	217.550	113.120	4.143	18	41	

⁶⁹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2001), Phát triển dân số - Nguồn nhân lực và những vấn đề xã hội của các tỉnh Tây Nguyên, tháng 3-2001.

⁷⁰ Tổng cục An ninh /A38 (2001), Tình hình Tin Lành Tây Nguyên và phản ứng đối với hoạt động phát triển Tin Lành Đê Ga tháng 3-2001.

Tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên là đa thần. Đó là vị thần Yang khai sáng vũ trụ, có quyền tối thượng, và con người khó có thể liên hệ được. Ngược lại, các vị thần mặt trời, mặt trăng, núi, đất, sông... rất gần gũi với đời sống tâm linh được thờ cúng thường xuyên để cầu xin điều tốt lành. Cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có cả một hệ thống ma, trong đó có ma lành, ma dữ để cầu cúng vào dịp mùa màng, tang gia, ốm đau... Đáng chú ý là hiện tượng ma lai được xem là ma dữ làm hại đến tính mạng người khác trong buôn làng dòng họ.

Tây Nguyên còn là vùng văn hoá của lễ hội mang tính đặc thù như lễ hội đâm trâu, lễ hội công chiêng, lễ đua voi, tục bỏ mả.

Về tôn giáo của các dân tộc thiểu số ở Trường Sơn - Tây Nguyên giáo sư Đặng Nghiêm Vạn viết: "Nên có thể nói, hệ tôn giáo của người Trường Sơn - Tây Nguyên là thờ bản mệnh cá nhân, gia đình, dòng họ và buôn làng và các thiên thần, nhân thần, các vị anh hùng hừ hừ, thực thực, tổ tiên, dòng họ gia đình, đứng đầu là một ông trời chung Vàng, tất cả quyện làm một với một huyền thoại suy tôn một cặp đôi, người sống sót sau nạn hồng thủy, thủy tổ của dân tộc"⁷¹.

II.2. Vài nét về đạo Tin Lành ở Tây Nguyên từ thời kỳ đầu đến năm 1954

Công cuộc truyền giáo, phát triển đạo Tin Lành ở Tây Nguyên thời gian ở mỗi tỉnh có sự khác nhau.

Tại Đà Lạt (Lâm Đồng), khoảng năm 1929 hai vợ chồng giáo sĩ H.A. Jackson, quốc tịch Hoa Kỳ, hệ phái C.M.A có mặt ở Đà Lạt. Năm 1930, ông nêu ý kiến nên truyền giáo trong các dân tộc ít người ở Đà Lạt nhưng bị phản đối. Nhưng ông vẫn truyền giáo trong dân tộc Cơ Ho, sau đó ra các dân tộc khác. Trên cơ sở kết quả đạt được, Hội truyền giáo cho phép mở trụ sở truyền giáo cho cả vùng tại Đà Lạt. Trong số tín đồ người dân tộc đầu tiên có một thanh niên tên là Sol biết tiếng Việt làm phiên dịch. Khi trường Kinh Thánh Đà Lạt mở, nhiều truyền đạo là người dân tộc thiểu số Tây Nguyên được đào tạo. Lứa đầu tiên có thể kể là KSol, SaoA, BangA, Ha chúa...

Công cuộc truyền giáo gặp khó khăn vì sự bất đồng ngôn ngữ, vì sự phản ứng gay gắt của cư dân bản địa. Toàn quyền Pháp miễn cưỡng đồng ý trên nguyên tắc mỗi chương trình hoạt động phải được sự chấp thuận của chính quyền địa phương.

Năm 1935 việc bất đồng ngôn ngữ được khắc phục bằng cách Phúc âm Máccô lần đầu tiên được dịch ra tiếng Bana, Gia rai, Êđê. Ba phúc âm còn lại sau đó lần lượt được dịch. Các bản dịch được in số lượng lớn, phát không cho tín đồ.

Lợi dụng đời sống của đồng bào gặp nhiều khó khăn thiếu thốn, các mục sư, truyền đạo dùng tiền bạc, vật chất mua chuộc, dụ dỗ người vào đạo. Các giáo sĩ tẩn công vào những tập tục nặng nề của cư dân như cúng ma, ma lai, rượu chè... khuyên người ốm phải chữa bệnh... Cởi bỏ những gánh nặng truyền đời cho biết bao người dân nghèo khổ, khiến họ thấy được những tác dụng cụ thể của Tin Lành.

⁷¹ Đặng Nghiêm Vạn: Vấn đề tín ngưỡng tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số (Tài liệu đánh máy, lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo).

Tin Lành vốn là một tôn giáo cải cách, nghi lễ đơn giản, rất dễ thích nghi với hoàn cảnh chính trị - xã hội các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Và lại tiến hành truyền giáo vào các dân tộc thiểu số ở đây, Tin Lành đơn giản hoá rất nhiều mặt về lễ nghi, giáo lý và thờ phụng, phù hợp với những nhận thức còn nhiều hạn chế của đồng bào. Các giáo sĩ tuyên truyền "Theo đạo không phải đi nhà thờ nhiều", "chỉ cần đọc kinh và tin Chúa là Chúa biết rồi".

Tuy vậy Tin Lành ở Tây Nguyên thời thuộc Pháp phát triển chậm. Ở tỉnh Lâm Đồng "Tin Lành mới chỉ phát triển được ở quanh thành phố Đà Lạt và một số vùng đồng bào dân tộc ở Đức Trọng, Di Linh, Bảo Lộc với vài nghìn tín đồ, số ít nhà nguyện và một trường Kinh Thánh tại số 11 Tiềm Quan Thành - Đà Lạt"⁷².

Ở tỉnh Gia Lai, Tin Lành xuất hiện lần đầu khoảng những năm 1930 - 1931. Trong khoảng 10 năm (1930 - 1940) ở tỉnh này có khoảng 70 - 80 tín đồ, phần lớn từ nơi khác chuyển đến. Vào những năm 1950, trên địa bàn Gia Lai thường chỉ có một mục sư làm công việc truyền giáo (Mục sư Phạm Xuân Tín 1940 - 1950; mục sư Trương Văn Sáng 1950 - 1958)⁷³. Cho đến năm 1954 Tin Lành mới truyền vào được vùng dân tộc Ba na, Giẻ triêng, Sơ đăng thuộc tỉnh Kon Tum.

Tin Lành nhập vào tỉnh Đắk Lắk năm 1932 lần đầu tiên, do mục sư On Nyth (Giáo sĩ C.M.A, người Canada) cùng vợ chồng mục sư người Việt là Bùi Tấn Lộc, Phạm Xuân Tín, truyền đạo chủ yếu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hoạt động truyền đạo ở tỉnh này, Tin Lành thu được một số kết quả khả quan hơn các tỉnh trên. C.M.A tăng cường lên Đắk Lắk một số mục sư người Việt và ngoại quốc, mở rộng truyền đạo ra các địa bàn M'Đrăc, Lăc, Buôn Đôn... đồng thời xúc tiến việc đào tạo giáo sĩ người dân tộc thiểu số tại chỗ, Ynō Byă, Y Suai Êban, Y Hăm Nie là số mục sư đầu tiên được C.M.A huấn luyện trong thời gian này.

Năm 1951, dưới sự chỉ đạo của C.M.A, Tổng Hội thánh Tin Lành Việt Nam lập ra địa hạt Thượng du do mục sư H'Sol (Ha Sam người Cơho, Lâm Đồng) làm chủ nhiệm, mục sư Ynō làm nghị viên và Y Suai Ê ban làm thủ quỹ.

Cũng trong năm 1951, Hội thánh Tin Lành lập trường Kinh Thánh Buôn Ma Thuột để đào tạo giáo sĩ, lập bệnh viện phong Ea Na do mục sư Lê Khắc Cung phụ trách⁷⁴.

II.3. Tin Lành trong dân tộc ít người ở Tây Nguyên thời kỳ từ 1954 đến 1975

Dưới sự bảo trợ của Mỹ, Tin Lành ở miền Nam nói chung và ở Tây Nguyên nói riêng thời kỳ này có điều kiện phát triển.

Tại Lâm Đồng, C.M.A được các tổ chức *Hoàn cầu khải tượng*, *Hội cứu trợ thế giới* (USAID), *Ngôn ngữ học*, giúp đỡ về tiền bạc, của cải để xây dựng nhà thờ, trang bị phương tiện, trả lương... nhằm đẩy nhanh tiến độ phát triển cao. Các tổ chức phi Chính phủ trên đều nằm ở Đà Lạt, Di Linh, Bảo Lộc nên rất thuận lợi trong việc giúp đỡ cho Tin Lành ở Lâm Đồng hoạt động và phát triển.

⁷² Lê Minh An: Đạo Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng. Đề tài nghiên cứu khoa học 1997.

⁷³ Trần Thanh Hùng: Tin Lành ở Gia Lai thực trạng và giải pháp. Đề tài nghiên cứu khoa học, 1998.

⁷⁴ Ban Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk: Nghiên cứu thực chất phát triển đạo Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk và đề xuất giải pháp. Đề tài nghiên cứu khoa học. 1998.

Tại Gia Lai, sự có mặt của Mỹ và sự phát triển nhanh các căn cứ quân sự Mỹ là nhân tố tác động mạnh đến sự phát triển của đạo Tin Lành. Do sẵn có sức mạnh về vật chất và lực lượng, C.M.A chủ tâm phát triển đạo vào vùng các dân tộc ít người, nhất là các buôn làng nằm xung quanh các căn cứ quân sự Mỹ, nhằm tạo vành đai chống sự xâm nhập của cách mạng. Mỹ cung cấp sơ sở vật chất, tiền bạc để mua chuộc người dân tộc theo đạo nhằm cột chặt họ vào niềm tin tôn giáo, tạo ý thức hệ mới gắn với quyền lợi Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Cùng với sự phát triển tín đồ, Tin Lành ở Gia Lai tiến hành xây dựng các nhà nguyện tại các bản làng, xây dựng hai trung tâm truyền giáo, một cho người dân tộc thiểu số (tại số nhà 66 phố Nguyễn Thái Học) và một cho phụ nữ (tại đường Lê Lợi nối dài) thuộc thị xã Plâycu.

Đến năm 1967, về cơ cấu tổ chức, Tin Lành ở Gia Lai được phân thành hai hệ: Người Kinh và người dân tộc tách biệt nhau và chịu sự chỉ đạo của hai hạt riêng biệt. Tin Lành người Kinh thuộc địa hạt Đà Nẵng. Tin Lành là người dân tộc thuộc địa hạt Buôn Ma Thuột.

Trong quân đội, Mỹ - Ngụy thành lập văn phòng Tuyên úy Tin Lành trong quân đoàn II dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nha Tâm lý. Ngoài ra Mỹ - Ngụy còn xây dựng chiến dịch phát triển Tin Lành do Phạm Xuân Hiển và Nguyễn Hoài Đức (là 2 sĩ quan Tuyên úy Tin Lành) chỉ huy.

Công cuộc truyền giáo phát triển đạo Tin Lành ở Tây Nguyên qua bản phúc trình của Thượng hạt (1969) cho thấy kết quả đạt được như sau:

Số Hội thánh có 144 (trong đó 109 Hội chính, 35 Hội nhánh).

Mục sư 19; Truyền đạo 42; Truyền đạo sinh 44.

Nhà thờ ván 92, Tư thất tôn ván 62.

Tín đồ (cuối năm 1966): 19.518 người (cuối năm 1968): 29.901 người.

Năm 1969 do mâu thuẫn trong nội bộ Ban Chủ nhiệm địa hạt Thượng du, Mỹ lợi dụng mâu thuẫn này chia Thượng du thành hai hạt: Thượng hạt từ Lâm Đồng trở vào, Trung Thượng hạt từ Quảng Đức trở ra đến miền núi Quảng Trị. Văn Phòng của Trung Thượng hạt đặt tại buôn Hia, Buôn Ma Thuột.

Năm này (1969) Trung thượng hạt có trên 20.000 tín đồ là người dân tộc thiểu số. Bao gồm: Êđê 9.000; M'ông: 3.900; Giarai: 4.800; Bana: 1.500; Bru-Vân Kiều: 700, H'rê: 600 và các tín đồ dân tộc khác.

Tính đến thời điểm 1975, Tin Lành ở Đắk Lắk có gần 11.000 tín đồ, 47 chi hội, hội thánh buôn, 32 nhà thờ, một trường Kinh Thánh, 1 bệnh viện phong, 8 mục sư, 36 truyền đạo. Mỗi hội thánh buôn đều có một ban chấp sự do tín đồ tham gia, có quyền tự trị tương đối cao. Đa số Hội thánh buôn có 01 mục sư hoặc truyền đạo làm chủ toạ.

Đến năm 1975, Gia Lai có 45 Hội thánh, 10 mục sư, 21 truyền đạo, 31 nhà thờ và 8.465 tín đồ.

Tin Lành ở Kon Tum có khoảng 130 tín đồ C.M.A, 530 tín đồ Cơ Đốc Truyền giáo.

Tại tỉnh Lâm Đồng, C.M.A là hệ phái lớn nhất, có 14.000 tín đồ, 17 mục sư, 50 truyền đạo, 70 nhà thờ lớn nhỏ. Trường Thánh Kinh Đà Lạt trở thành trung tâm đào tạo chức sắc Tin Lành ở khu vực Tây Nguyên, ngoài ra còn có ký túc xá, trạm xá, trường học, trường huấn luyện sắc tộc. Ở Lâm Đồng còn hiện diện phái Cơ Đốc phục lâm, tín đồ có gần 2.000, 2 mục sư, 6 truyền đạo, 10 chi hội thánh, khoảng 10 trường tiểu học ở Đức Trọng, Di Linh, Đơn Dương, Lạc Dương.

II.4. Ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với đời sống chính trị - xã hội các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên trước năm 1975

Năm 1943, nhằm tránh sự nghi ngờ của Pháp, Nhật, C.M.A tuyên bố: "Đạo Tin Lành không tham gia chính trị". Đó chỉ là tuyên bố bề ngoài nhằm tránh sự can thiệp vào hoạt động truyền giáo từ phía Pháp - Nhật.

Thời kỳ 1945-1954, Thực dân Pháp triệt để khai thác đạo Tin Lành phục vụ cho âm mưu tái chiếm Việt Nam thi hành chính sách chia để trị, "đất thượng của người Thượng". Từ năm 1950 Pháp và có sự can thiệp của Mỹ thực hiện chiến lược tôn giáo hoá vùng đồng bào dân tộc ít người Tây Nguyên. Chúng ra sức đào tạo đội ngũ giáo sĩ người dân tộc thiểu số; Dùng tiền bạc, vật chất, kể cả sức mạnh vũ khí để mua chuộc, lôi kéo, dụ dỗ và cưỡng bức nhân dân các dân tộc thiểu số theo Tin Lành.

Đội ngũ giáo sĩ người Việt, quay lưng lại cách mạng và lợi ích dân tộc họ. Một số giáo sĩ vì tham vọng cá nhân cam tâm làm tay sai, gián điệp cho Pháp, Mỹ. Những giáo sĩ phản động dùng phim ảnh, đài phát thanh tuyên truyền đề cao chính quyền bù nhìn Bảo Đại. Mục sư, truyền đạo trở thành người có quyền lực lớn trong buôn, có quyền can thiệp vào cả công việc của bọn hội tề. Thực dân Pháp sử dụng đạo Tin Lành như một công cụ chiêu an đặc lực đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Thời kỳ 1954 - 1975, âm mưu của Mỹ là thông qua tầng lớp giáo sĩ phản động biến Tin Lành Tây Nguyên thành một lực lượng phản cách mạng. Mỹ đổ tiền của để phát triển đạo Tin Lành, xây dựng cơ sở vật chất (nhà thờ, trường học). Những người thuộc tầng lớp trên, có tư tưởng cực đoan được Mỹ chú ý lôi kéo đào tạo mục sư, truyền đạo phục vụ cho chiến lược bình định Tây Nguyên lâu dài. Mỹ còn tạo điều kiện tư sản hoá, hữu sản hoá các giáo sĩ Tin Lành. Số này có đồn điền, máy móc để gắn bó với chế độ Mỹ - Nguy.

Trong xã hội vùng dân tộc thiểu số Tây Nguyên ngày càng có sự phân hoá giàu nghèo. Mâu thuẫn trong cộng đồng tăng lên dẫn đến sự xáo trộn giữa những người cùng dân tộc và giữa dân tộc này với dân tộc khác.

II.5. Tin Lành trong dân tộc ít người ở Tây Nguyên thời kỳ từ năm 1975 đến nay

II.5.1. Giai đoạn từ năm 1975 đến 1985

Đây là giai đoạn mà thời kỳ đầu Tin Lành có sự câu kết với FULRO. Fulro là từ viết tắt của Front unifié de lutte Races Opptimcés có nghĩa là: *Mặt trận thống nhất đấu tranh của các dân tộc bị áp bức*. Đây là tổ chức phản động được Pháp rồi Mỹ dựng lên nuôi dưỡng nhằm thực hiện chia rẽ dân tộc, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Fulro thu hút được một lực lượng đông đảo cư dân các dân tộc thiểu số Tây Nguyên như Cil, Mạ, Coho, Chăm, Êđê.

Ở các tỉnh Tây Nguyên, Fulro rút vào rừng, xây dựng lực lượng vũ trang, gây nhiều vụ bạo loạn, kích động quần chúng, xây dựng cơ sở ngầm ở thôn, buôn, tạo nên tình hình căng thẳng.

Trong quá trình đấu tranh trấn áp Fulro chúng ta đã thu được chứng cứ xác định có sự cấu kết giữa một số nhân vật cầm đầu Hội thánh Tin Lành địa phương với Fulro.

Tại tỉnh Đắk Lắk: Mục sư YNgũê Bđấp (chủ nhiệm Trung Thượng hạt) làm cố vấn của Trung ương Fulro, 3 mục sư, 16 truyền đạo khác tham gia giữ các chức vụ khác trong tổ chức này (gồm 1 đại tá bộ trưởng, 2 trung tá, 3 thiếu tá, 10 sĩ quan cấp tiểu đoàn).

Một số nhà thờ Tin Lành như nhà thờ ở 83 Tôn Thất Thuyết, Chpi, nhà thờ địa hạt...) trở thành nơi cất giấu vũ khí, truyền đơn, tài liệu của Fulro.

Ở tỉnh Lâm Đồng, đầu năm 1975, Fulro hoạt động trở lại; Ychôm một trong những tên chỉ huy đứng đầu của Fulro đóng tại Đắk Lắk thường lui tới Đà Lạt hoạt động. Vốn là tín đồ đạo Tin Lành, Y Chôm thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với các mục sư, truyền đạo người dân tộc thiểu số. Ychôm được tạo điều kiện phát triển lực lượng Fulro ở khu vực Lâm Đồng.

Tháng 5-1975 tại trụ sở Nam Thượng hạt (nay là trường chính trị tỉnh Lâm Đồng), YChôm, Lơmu, Harông, Nicolai (con mục sư HaBrông), Jimi (con mục sư HasáuA)... thành lập Bộ Tư lệnh vùng 4 chiến thuật. Mục sư HaBrông làm cố vấn trung ương Fulro. Chúng tuyên bố đòi Tây Nguyên tự trị, lập chính phủ riêng, tích cực vận động đồng bào dân tộc thiểu số ủng hộ Fulro.

Nhiều mục sư, truyền đạo khác tham gia Fulro, trở thành những kẻ có cấp bậc như Ha Kar, Ha Rang, Ha Sáu A, Ha Thương, Ha Hơi.

Một số nhà thờ Tin Lành được biến thành địa điểm tụ họp của Fulro. Một số nhà thờ khác bị đóng cửa vì giáo sĩ chạy vào rừng theo Fulro. Tình hình trên làm cho không ít tín đồ hoang mang dao động, một số vì thế ngã theo Fulro chống phá cách mạng.

Những tên cầm đầu Fulro vùng 4 lôi kéo hàng ngàn tín đồ Tin Lành tham gia vào việc chém giết đồng bào của họ. Những cuộc tập kích của chúng vào Đức Trọng, Di Linh, Đơn Dương, Lạc Dương... gây nhiều đau thương, thiệt hại về người và của.

Khi tập đoàn phản động Fulro bị cách mạng tấn công tan rã, trong số những tên cầm đầu chạy ra nước ngoài có các mục sư, truyền đạo như Ha Sáu A, Ha Giáo, Bơ đa su vòng... Số này được Mỹ và bọn phản động quốc tế nuôi dưỡng để chống phá ta lâu dài.

Cũng cần phải ghi nhận rằng trong việc tấn công làm tan rã tập đoàn phản động Fulro có sự đóng góp nhất định của giáo sĩ và tín đồ đạo Tin Lành. Nhiều tín đồ hăng hái tình nguyện kêu gọi con em hồi cải trở về với gia đình lo làm ăn sinh sống.

Mục sư Lơmu Ha Brông không quản ngại tuổi cao sức yếu, tích cực cộng tác với chính quyền cách mạng, lặn lội đến vùng sâu, gặp gỡ, nói chuyện, rải truyền đơn, kêu gọi những tín đồ là người dân tộc thiểu số lầm lỡ trở về với cuộc sống lương thiện.

Trước tình hình trên, đạo Tin Lành ở các tỉnh Tây Nguyên bị chính quyền đình chỉ hoạt động, cụ thể là đình chỉ toàn bộ các sinh hoạt tôn giáo và hoạt động của bộ phận hành chính đạo.

Trong khoảng thời gian từ năm 1977 đến giữa những năm 1980, trong điều kiện Hội thánh bị giải tán, nhà thờ đóng cửa, mục sư, truyền đạo bị bắt tập trung cải tạo... Tin Lành chỉ tồn tại dưới hình thức duy nhất là tín ngưỡng tại gia. Thời gian này số lượng tín đồ giảm dần do nhiều người nhặt đạo, bỏ đạo. Một bộ phận tín đồ thật sự có tín ngưỡng chân chính, vẫn tiếp tục giữ đạo với hình thức thờ phụng tại gia.

II.5.2. Giai đoạn từ 1985 đến nay

Từ giữa những năm 1980 đến nay, trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số việc phát triển đạo Tin Lành không bình thường. Sự kiện này làm cho vấn đề tôn giáo gắn với dân tộc mang tính chính trị gây ảnh hưởng xấu đến kinh tế - văn hoá xã hội mà đỉnh cao là cuộc bạo loạn của hàng ngàn người ở Đắk Lắk và Gia Lai đầu năm 2001.

Đến giữa năm 1995, Tin Lành ở Tây Nguyên có 143.000 tín đồ (gấp 3,7 lần so với năm 1975), 136 mục sư, truyền đạo; địa bàn có tín đồ Tin Lành mở rộng thêm 72 xã, phường, 14 huyện thị, trong đó có 32 xã vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến cũ.

Đến cuối năm 1999, toàn Tây Nguyên có gần 220.000 tín đồ Tin Lành C.M.A, trong đó có khoảng 80 - 85% tín đồ là người dân tộc thiểu số; 31 mục sư, khoảng 200 truyền đạo (kể cả được phong trái phép), có mặt ở 209 xã, phường, trong đó có 35 xã vùng sâu, vùng xa.

Tại thời điểm tháng 3-2001 Tây Nguyên có gần 274.900 tín đồ Tin Lành C.M.A, 31 mục sư, gần 300 truyền đạo và truyền đạo tình nguyện. Chỉ tính riêng 3 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk đã có tới 326/526 xã, 1099 thôn buôn làng có đạo Tin Lành.

Một số đặc điểm của hoạt động truyền giáo phát triển đạo trong thời kỳ này

Phần lớn các văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số bị triệt tiêu. Tín đồ theo đạo Tin Lành không tham gia những ngày lễ tết cổ truyền như lễ bỏ mả, lễ đâm trâu, cúng ma... Hàng loạt công cụ quý giá đã bị đem bán dưới dạng đồng nát, phá huỷ một loại hình di sản văn hoá Tây Nguyên đặc thù và quý giá. Do không còn uống rượu nên ché rượu cần trong đó có nhiều loại là cổ vật đã bị đem bán hoặc đập vỡ. Nhà rông, ngôi nhà chung bị phá bỏ kèm theo đó là sinh hoạt văn hoá cộng đồng không được duy trì. Điều ấy cũng có nghĩa là các trường ca, kể khan sẽ dần dần mai một.

Mâu thuẫn về tôn giáo, tín ngưỡng không những diễn ra trên địa bàn huyện, xã, thôn, làng mà còn diễn ra trong từng gia đình. Ở Mang Yang, Đức Cơ, Chư Sê (Gia Lai) có tình trạng người theo tôn giáo cổ truyền, do mâu thuẫn với người theo đạo Tin Lành phải bỏ làng cũ, kéo nhau đi lập làng khác. Năm 1995 trong một lần tiếp xúc với dân của một buôn ở huyện Chư Sê chúng tôi được chứng kiến cuộc tranh luận giữa những người theo đạo Tin Lành và người không theo. Người theo đạo Tin Lành nói: Năm nay không mưa là vì Chúa Trời trừng phạt một số người không theo Tin Lành. Người không theo Tin Lành đối lại: Tại sao các ông theo đạo mà Chúa Trời không mưa xuống rẫy của các ông.

Trên đây chỉ là một câu chuyện nhỏ trong trăm ngàn những câu chuyện về sự mất đoàn kết trong cộng đồng cư dân theo đạo và không theo đạo Tin Lành.

Như vậy, hậu quả về xã hội mà Tin Lành gây ra trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên là hết sức nặng nề. Tin Lành là tác nhân phá vỡ các quan hệ và tính cộng đồng bền vững

của đồng bào các dân tộc thiểu số, làm mất dần vai trò của xã hội truyền thống, tạo điều kiện để tôn giáo xâm nhập, phát triển, gây chia rẽ, mâu thuẫn giữa những người theo đạo và không theo đạo Tin Lành, làm phương hại đến khối đoàn kết dân tộc.

Lực lượng truyền giáo bán chuyên nghiệp ngày một đông đảo, hoạt động tích cực. Một số trong lực lượng này được phong mục sư và truyền đạo trái phép. Tỉnh Đắk Lắk đến thời điểm năm 2000 Tin Lành phong trái phép 6 mục sư, đưa tổng số mục sư lên 11, số truyền đạo là 80, cốt cán ở hội thánh cơ sở là 591.

Ở tỉnh Gia Lai, năm 1975 có 3 mục sư, 10 truyền đạo, cốt cán có 150, năm 1999 số cốt cán khoảng 500 người với 300 hội thánh cơ sở. Đến thời điểm năm 2000 có 78 cốt cán theo học lớp đào tạo từ xa tại Đà Nẵng, sẽ phong truyền đạo khi có điều kiện. Mục sư, truyền đạo, cốt cán được đào tạo về Kinh Thánh, giáo lý, được trang bị phương tiện đi lại là xe máy, họ lại là người dân tộc am hiểu phong tục tập quán, đường đi lối lại nên đã là những mục sư cầm đầu hoạt động khôn khéo như Rmah Loan ở Đắk Lắk. Bọn cầm đầu và gia đình sống sung túc có kẻ hầu người hạ, lại được phần đông tín đồ tin theo và bảo vệ. Được sự giúp đỡ của Hội thánh Tin Lành ở Đà Nẵng, ở thành phố Hồ Chí Minh, nhiều con em mục sư, truyền đạo và cốt cán được trợ cấp tiền bạc cho ăn học. Đây là nguồn đào tạo giáo sĩ tương lai cho Tây Nguyên.

Trước đây trên địa bàn Tây Nguyên chủ yếu là hoạt động truyền giáo của C.M.A, song từ năm 1985 trở lại đây, một số hệ phái Tin Lành sau giải phóng vốn không còn, nay đã và đang được khôi phục lại như Cơ đốc phục lâm, Cơ đốc liên hữu, Ngũ tuần, Cơ đốc truyền giáo.

Hoạt động của Tin Lành gây nhiều hậu quả xấu về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Tin Lành tổ chức hàng trăm cuộc tụ tập truyền đạo trái phép mỗi năm, khôi phục ban chấp sự, hội thánh buôn cũ và lập hàng trăm Hội thánh buôn mới. Giáo sĩ và bọn cốt cán tuyên truyền kích động tín đồ không đi nghĩa vụ quân sự, không đóng thuế cho Nhà nước, không tham gia các đoàn thể xã hội. Nhiều nơi bọn cốt cán ngấm ngấm vận động nhân dân chống lại chủ trương trồng cây chuyên canh của chính quyền. Chính quyền phát động trồng chuyên canh sắn, bọn xấu tuyên truyền nhân dân trồng mía, gây tổn thất về kinh tế cho nhân dân nhiều vùng. Bọn xấu tuyên truyền phủ nhận những thành quả cách mạng, khoét sâu vào những mặt tiêu cực, những tệ nạn xã hội để quần chúng hoang mang mất lòng tin vào Đảng, Nhà nước.

Vào cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX được sự tiếp tay của các thế lực phản động nước ngoài, bọn phản động là người dân tộc thiểu số ở nước ngoài phối hợp với bọn phản động trong nước âm mưu lập Nhà nước DEGA tự trị và "Tin Lành DEGA". Ngày 20-9-2000, tại Biển Hồ, thành phố Plâycu bọn phản động nhóm họp, đề ra chủ trương công khai Nhà nước DEGA, kế hoạch hành động bạo loạn.

Trong vụ bạo loạn chính trị phản cách mạng (2-2001) bằng các thủ đoạn lừa bịp như: Ai theo Ksor Kơk (kẻ chủ mưu) được Mỹ cho tiền; Ai đi đấu tranh chống người Kinh thì được cấp 20.000-50.000đ/người, sẽ được chia đất của người Kinh và các dân tộc khác... bọn phản động đã lôi kéo được khoảng 9 ngàn người tham gia, gây nên sự phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn một thời gian dài.

II.6. Những nguyên nhân cơ bản

II.6.1. Nguyên nhân khách quan

Truyền bá phát triển đạo Tin Lành lên đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, Trường Sơn - Tây Nguyên, địa bàn có tầm chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội của nước ta rõ ràng là nằm trong âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam lâu dài của đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch. Âm mưu lập quốc gia riêng cho người H'Mông, Nhà nước DEGA ở Tây Nguyên là một minh chứng hùng hồn. Nhằm thực hiện âm mưu này các thế lực phản động chủ trương "Tin Lành" hoá trong dân tộc H'Mông và các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Bọn chúng gắn tôn giáo (Tin Lành) với dân tộc, cả hai lĩnh vực đều hết sức nhạy bén dễ xảy ra điểm nóng dẫn đến xung đột. Đây cũng là hai lĩnh vực được Mỹ đưa vào cái gọi là "nhân quyền" để kiếm có trừng phạt các nước mà Mỹ xét thấy cần thiết.

Mỹ và các thế lực thù địch sử dụng đài phát thanh FEBC, Venitas, Nguồn sống, RFI, Á châu tự do với chương trình truyền đạo Vàng Chử - Tin Lành bằng tiếng dân tộc H'Mông (ở miền núi phía Bắc), Êđê, M'nông, Gia rai (ở Tây Nguyên). Rất nhiều tài liệu, Kinh thánh, thánh ca được dịch ra các thứ tiếng dân tộc thiểu số phát không cho tín đồ. Mục sư, truyền đạo và bọn cốt cán được nhận kinh phí từ những nguồn bí mật khác nhau, không loại trừ các tổ chức phản động bên ngoài gửi về. Dưới các hình thức du lịch, hợp tác kinh tế, viện trợ nhân đạo, Tin Lành Mỹ, Đức, Hàn Quốc dưới nhiều vỏ bọc, kể cả "Tây ba lô" tìm cách xâm nhập, móc nối với các mục sư, truyền đạo để giúp đỡ vật chất và thúc đẩy Tin Lành hoạt động.

Với hình thức truyền đạo tinh vi, nghiên cứu kỹ văn hoá - tâm lý các dân tộc thiểu số nước ta, tìm ra những "kênh" truyền giáo thích hợp đồng thời kết hợp với hù dọa, cưỡng bức lôi kéo, các thế lực thù địch và hàng giáo sĩ Tin Lành từng bước chuyển việc truyền giáo phát triển đạo chủ yếu do họ thực hiện sang thành một phong trào quần chúng rộng rãi, tìm hiểu, đi theo Tin Lành. "Phong trào" này ảnh hưởng, cuốn hút một số cán bộ đảng viên, cán bộ, anh hùng lực lượng vũ trang, những cơ sở cách mạng, vùng chiến khu xưa là cái nôi là nơi nuôi dưỡng các chiến sĩ cách mạng. Việc đi theo Tin Lành đã trở thành công việc nội bộ, là quyền lợi về tôn giáo, tín ngưỡng mà các dân tộc thiểu số có quyền đòi hỏi Đảng, Nhà nước. Bọn phản động kích động vào vấn đề này để tập hợp quần chúng tín đồ khi cần thiết để đấu tranh với chính quyền.

Tin Lành là tôn giáo có khả năng thích nghi, hoà nhập rất nhanh vào các môi trường truyền giáo khác nhau. Người vào đạo chỉ cần "tin nhận Chúa", hiểu một số vấn đề giáo lý. Hình thức thờ phụng đơn giản, có thể thờ phụng tại gia. Hai phép bí tích khi thực hiện trong các dân tộc thiểu số theo đạo được giản tiện. Ví dụ phép Báp têm có thể đưa người đến suối để dim. Việc truyền giáo được hiện đại hoá qua băng ghi âm, ghi hình, tranh ảnh phù hợp với trình độ văn hoá và nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số.

Tin Lành đề cao hôn nhân một vợ một chồng, cấm tín đồ uống rượu, hút thuốc lá, thuốc phiện, đả kích hủ tục ma chay, cưới xin nặng nề. Việc làm trên góp phần "giải phóng" nhiều gia đình nghèo khó vốn bị các tập tục đè nặng từ lâu đời. Tín đồ theo đạo ốm đau không cúng ma mà biết uống thuốc chữa bệnh. Nạn ma lai và các hủ tục khác không còn thấy ở vùng dân tộc thiểu số theo Tin Lành. Một số mục sư, truyền đạo có hiểu biết về nông, lâm nghiệp đã hướng dẫn tín đồ sản xuất, tăng năng suất, đời sống vì vậy được nâng cao, có tác động cụ thể lôi cuốn người vào đạo.

Mục sư, truyền đạo Tin Lành tích cực tham gia hoạt động từ thiện. Giá trị vật chất mà họ đem lại cho đồng bào là hết sức nhỏ bé so với những gì mà Đảng, Nhà nước ta đem lại, nhưng họ làm kịp thời, đúng lúc, đúng người nên có tác dụng không nhỏ về mặt tinh thần.

Những dân tộc thiểu số đón nhận truyền đạo Tin Lành hoặc là nhạy cảm về chính trị (như dân tộc H'Mông miền núi phía Bắc) hoặc vốn đã theo Tin Lành nay có dịp truyền bá, khơi dậy thì dễ dàng phát triển.

Tin Lành đào tạo được một lực lượng truyền giáo tại chỗ là người dân tộc thiểu số, lực lượng này giữ vai trò chủ đạo trong việc truyền giáo, phát triển đạo. Tín đồ Tin Lành được khuyến khích làm bốn phần truyền giáo với những phần thưởng bằng tiền bạc đã là những tác nhân quan trọng dẫn đến việc Tin Lành phát triển nhanh chóng trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

II.6.2. Nguyên nhân chủ quan

Đảng và Nhà nước ta thiếu sự chỉ đạo thống nhất từ Trung ương đến địa phương đối với vấn đề tôn giáo miền núi. Trước hết là việc nhìn nhận vai trò, vị trí tôn giáo truyền thống của các dân tộc thiểu số là chưa đúng. Chúng ta đã đồng nhất ma (thần) của đồng bào với ma của người Kinh theo một nghĩa xấu và thẳng tay xoá bỏ. Những phong tục truyền thống tốt đẹp cùng với thời gian đã không được khơi dậy cũng có nghĩa là vô tình tạo nên sự mai một. Những phong tục lạc hậu đã không được bài trừ tận gốc gây nên những tác hại nặng nề trong mỗi dân tộc. Những thành tựu văn hoá mới xã hội chủ nghĩa, đồng bào nhất là đồng bào vùng cao, vùng sâu vùng xa ít được thưởng lãm. Chúng ta chưa bám sát tình hình hoạt động phát triển đạo Tin Lành nên không cập nhật vấn đề, việc đề ra chủ trương biện pháp là chậm.

Năm 1998, tiến hành đi thực tế ở xã Đắc Long huyện Đắc Glây tỉnh Kon Tum, khi được hỏi nguyên nhân nào dẫn đến việc phát triển đạo Tin Lành ở một xã vốn là căn cứ cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đồng chí A Nhôm, bí thư Đảng uỷ xã không ngần ngại trả lời: "*Vi có nhiều cái mầm lắm, không biết nghe cái mầm nào*". Ý nói chưa có sự chỉ đạo thống nhất từ trên xuống.

Một vấn đề có tầm quan trọng chiến lược nhưng phải mất hàng chục năm chúng ta mới bắt đầu có sự nhìn nhận giải quyết và cuối cùng để trở thành vấn đề chính trị bạo loạn gây tổn thất nặng nề chính trị - xã hội, về khối đoàn kết dân tộc ảnh hưởng trong nước và quốc tế.

Chúng ta cũng chưa có được một chiến lược xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp làm công tác giảng dạy, lãnh đạo, chỉ đạo tôn giáo đáp ứng với tình hình. Đội ngũ này phải là những người thuộc các dân tộc thiểu số để họ hiểu biết về dân tộc của họ, sống và "nói lời nói" cộng đồng của họ. (cần thiết chỉ ra rằng cán bộ là dân tộc thiểu số từ chỗ chiếm 20 - 25%, nay chỉ còn 5 - 8%. Nhiều nơi trong vùng dân tộc thiểu số, cán bộ chủ chốt ở cấp huyện không có người dân tộc thiểu số, có chăng chỉ biên chế ở Mặt trận Tổ quốc hoặc "có chân" trong Hội đồng nhân dân mang tính hình thức).

Việc Tin Lành gắn với chính trị là không thể chối cãi, song chúng ta đã không khéo léo tách vấn đề chính trị ra khỏi vấn đề tôn giáo.

Ở Tây Nguyên việc xem Tin Lành thuần túy chính trị phản động gắn với Fulro với một lập trường cứng rắn, kiên quyết của cấp uỷ kéo theo đó là sự chỉ đạo thực hiện trong nhiều năm dẫn đến việc cứng nhắc trong xử lý. Quả là trong Fulro có những mục sư, truyền đạo Tin Lành tham

gia (đã trình bày). Nhưng Tin Lành Tây Nguyên không để ra Fulro. Fulro chỉ lợi dụng Tin Lành để chống phá cách mạng. Một thời gian dài chỉ đạo của cấp uỷ đảng ở cả 4 tỉnh Tây Nguyên về sự phát triển của đạo Tin Lành ở Tây Nguyên là "giữ nguyên hiện trạng". Trên thực tế biện pháp này chỉ là lời nói suông, không có hiệu quả vì Tin Lành vẫn phát triển. Các lực lượng làm tham mưu cho cấp uỷ đảng do phải giải quyết công việc hàng ngày, ít nhiều nắm được sự biến động dưới địa bàn, thấy được những bất cập chỉ thị của cấp uỷ nhưng trên thực tế thấy có rất ít ý kiến phản biện một cách trung thực nhằm làm chuyển đổi nhận thức của các cấp uỷ đảng cho sát hợp với tình hình thực tế.

Nhìn nhận sự việc một cách cứng nhắc không động cũng thể hiện trong việc xem xét việc truyền đạo trong dân tộc H'Mông. Trải 15 năm truyền đạo trong người H'Mông ban đầu là việc dựng nên nhân vật Vàng Chứ, rồi Vàng Chứ - Giê su để lôi kéo cư dân đi theo Vàng Chứ, sau đi theo Giê su cụ thể là theo Công giáo. Một thời gian ngắn thấy Công giáo không đáp ứng được yêu cầu, cư dân dân tộc H'Mông chuyển qua đạo Tin Lành.

Truyền giáo trong vùng dân tộc H'Mông những người thực hiện công việc này đã nghiên ngẫm, cố công tìm cho mình một "kênh" đó là Vàng Chứ nhân vật nửa hư nửa thực. Khi nhân vật này "cắm" được trong lòng dân, bọn họ tiến bước thứ hai gắn vào đó nhân vật Chúa Trời. Thời kỳ đầu Giê su, Chúa Trời chỉ là nhân vật ăn theo, ký sinh nhưng rồi dần dần trở thành nhân vật chính và ý đồ truyền đạo Tin Lành cũng dần dần lộ ra.

Lịch sử truyền giáo phát triển đạo vào nước ta đây không phải là trường hợp hy hữu. Công giáo thời kỳ đầu truyền vào Việt Nam cũng phải dân tộc hoá tên gọi DEU thành Thiên Chúa, Chúa Mời, Bời, Chúa Trời theo cách gọi của người Việt, thuyết Tam cương (Quan-Sư-Phụ) được biến thành thuyết BACHA (cha.cha.cha) đồng nhất với Thiên chúa... Ngược dòng lịch sử xa hơn, Phật giáo vào Việt Nam sản sinh ra Phật giáo dân gian - Vân Vũ - Lô - Điện, toàn nữ. Đạo Mẫu ở Việt Nam là một biến thể của Đạo giáo... Những trường hợp như vậy chúng ta lấy làm tự hào về sự hội nhập văn hoá.

Truyền giáo phát triển đạo gắn với chính trị đã từng xảy ra khi đạo Công giáo truyền bá vào nước ta. Chính sách cấm đạo của nhà Nguyễn, việc thực dân Pháp lợi dụng Công giáo chống phá cách mạng Việt Nam đã để lại những di hại nặng nề trong lịch sử. Đạo Cao Đài, đạo Hoà Hảo bị Mỹ - Ngụy lợi dụng gây ra nợ máu, hận thù giữa những người anh em cùng dòng họ, cùng thôn làng, cho đến nay việc khắc phục chưa phải đã hết.

Những vấn đề trên của lịch sử cần thiết phải vận dụng để nhìn nhận và giải quyết việc phát triển đạo trong dân tộc H'Mông và các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên để khỏi phạm sai lầm đã diễn ra trong lịch sử.

Thế kỷ XX là thế kỷ thức tỉnh của các dân tộc. Trong thời đại mới - thời đại tin học - cư dân các dân tộc thiểu số nhờ đó được mở rộng "con mắt, đôi tai" và đặc biệt là "cái đầu". Những tập tục, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc thiểu số một mặt biểu lộ tính lạc hậu nặng nề, mặt khác bộc lộ sự chật hẹp trong đời sống xã hội, đời sống tâm linh. Trong khi đó đồng bào dân tộc biết đến những tôn giáo mới. Tin Lành với những đặc thù mà chúng tôi nêu trên đã phần nào đáp ứng được đời sống tâm linh của họ. Cuộc gặp gỡ này kèm theo những tác nhân khác dẫn đến hiện tượng mà chúng ta gọi là sự phát triển đạo không bình thường trong đồng bào H'Mông và các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Ngoài ra còn có những nguyên nhân khác mà nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra chúng tôi thiết tưởng không cần phân tích thêm như: Nguyên nhân về kinh tế đời sống nhân dân khó khăn; về xã hội nhận thức của nhân dân hạn chế; Hệ thống chính trị cơ sở nhiều nơi yếu kém, tình trạng quan liêu xa rời quần chúng của một bộ phận cán bộ Đảng viên...

II.7. Giải pháp nào?

Đã có nhiều giải pháp trên giấy và những giải pháp từ thực tế. Những giải pháp này xuất phát từ những nguyên nhân được chỉ ra.

Trước hết là giải pháp kinh tế nghĩa là phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, bà con sẽ dần dần bỏ đạo. Trên thực tế có một số vùng ở Tây Nguyên đời sống bà con dân tộc khá giả nhưng họ vẫn theo đạo. Những năm gần đây Đảng, Nhà nước đưa nhiều dự án phát triển kinh tế ở một số vùng cơ sở kháng chiến, đời sống nhân dân nâng cao rõ rệt nhưng quần chúng vẫn không bỏ đạo.

Giải pháp về xã hội: Nhằm nâng cao dân trí, xây dựng cuộc sống mới ở cụm dân cư. Đây là một giải pháp mà muốn thực hiện được phải làm lâu dài vì mục tiêu mà nó đặt ra.

Giải pháp về văn hoá: Khơi dậy văn hoá cổ truyền, phát triển văn hoá mới. Theo chúng tôi đây cũng là một biện pháp phải thực hiện lâu dài.

Và những giải pháp khác.

Về phần mình chúng tôi không phủ nhận các giải pháp trên. Rõ ràng giải quyết vấn đề tôn giáo trong đồng bào H'Mông và các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên phải làm đồng bộ. Song vấn đề đột phá khâu giải quyết vấn đề tôn giáo phải bằng chính tôn giáo.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI với sự đổi mới toàn diện trong đó có vấn đề về tôn giáo là một hướng đi đúng đắn hợp qui luật, hợp lòng dân của Đảng ta. Ngày 16-10-1990 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 24-NQ/TW Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới. Ba luận điểm mà Đảng ta nêu ra mà bất kỳ người làm tôn giáo nào cũng thuộc lòng. Đó là: Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với xây dựng xã hội mới. Quan điểm của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống. Trước hết là sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ đảng viên về tôn giáo. Từ sau khi có đường lối đổi mới, có NQ số 24 NQ/TW và Nghị định số 69 nhiều vấn đề tôn giáo được tháo gỡ, quần chúng có đạo được tự do thực hành tôn giáo, các chức sắc tôn giáo được tự do hành đạo, cơ sở thờ tự được sửa chữa, xây mới. Điều đó làm nức lòng bộ phận quần chúng có đạo. Tuy nhiên những năm đầu khi thấy tôn giáo khởi sắc, người khô đạo nhạt đạo trở lại niềm tin tôn giáo, hàng vạn cơ sở thờ tự được sửa sang, xây mới không ít cán bộ đảng viên tỏ ra quan ngại. Nhưng thực tế đã minh chứng đất nước ta không những bình yên mà còn phát triển.

Ngày 29-7-1995 Hội thánh Cao Đài Tiên thiên được công nhận tư cách pháp nhân, tiếp theo là các Hội thánh khác.

Năm 1999, Phật giáo Hoà Hảo được hoàn nguyên. Và ngày 3-4-2001 Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tổ chức lễ đón nhận tư cách pháp nhân.

Những bước đi trên của Đảng và Nhà nước ta là hoàn toàn phù hợp với thực tế.

Đối với việc phát triển đạo Tin Lành ở Tây Nguyên, cuộc Hội thảo công tác dân tộc các tỉnh Tây Nguyên tổ chức ngày 6-7 tháng 1 năm 1998, xuất phát từ thực tế, hai tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng lên tiếng đề nghị công nhận tư cách pháp nhân đạo Tin Lành ở Tây Nguyên để quản lý. Điều ấy sẽ thuận lợi hơn nhiều với việc bỏ lỏng. Tại cuộc họp này trước đề nghị của hai tỉnh vẫn còn nhiều ý kiến chưa đồng tình. Tuy nhiên những năm tiếp theo vấn đề được xem xét lại một cách nghiêm túc.

Vấn đề truyền đạo trong người H'Mông hiện cách nhìn còn rất khác nhau. Thời gian gần đây phần lớn các ý kiến hoặc cho đó là đạo Vàng Chứ - Tin Lành hoặc là Tin Lành - Vàng Chứ. Về phần mình chúng tôi cho đó là Tin Lành - Vàng Chứ và đang trong quá trình chuyển đổi thành Tin Lành.

Vấn đề phát triển đạo trong người H'Mông phức tạp hơn việc phát triển đạo trong các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Nhưng chúng ta không thể phủ nhận nhu cầu theo đạo của một bộ phận cư dân H'Mông là có thật. Chúng ta cũng phải thẳng thắn nhìn nhận những biện pháp ngăn cấm đạo phát triển trên thực tế đã không có mấy hiệu quả. Kết cục là vô hình chung chúng ta đẩy quần chúng theo đạo đối lập với chính quyền, làm xáo trộn đời sống nhân dân (di dịch cư).

Vấn đề đặt ra là chúng ta phải thẳng thắn nhìn vào thực tế để có những nhận thức và giải quyết cho phù hợp./.

SUMMARY

Recently, there are many changes in religious-faiths of ethnic minorities groups in Vietnam's uplands, and it has had impacts on socio-economic development and political situation of the country as a whole. This paper provides some data from material sources present the introduction of Vang Chu - Protestantism in H'Mong people in the Northern Mountain region; Protestantism restoration and development, especially the appearance of ĐEGA in some ethnic minorities groups in Tay Nguyen.

H'Mong people in the Northern mountain region living mainly in borders of upland areas, Tuyen Quang, Yen Bai, Ha Giang, Son La, Cao Bang and Lai Chau provinces are the locations where H'Mong people mainly concentrated. H'Mong people's traditional faiths is Polytheism. Their traditional religion is Protestantism. Vang Chu is the first of H'Mong people, then some left Vang Chu and joined Catholicism. Nowadays most of H'Mong people return to Protestantism.

Almost all of religions present in Vietnam can be found in Tay Nguyen region, faiths is Polytheism. This paper presents how the Protestantism has been introduced in Tay Nguyen and its development before 1954, and in period of 1954 - 1975 and at present.

The propagation and development of Protestantism in the H'Mong people have had signs of political reaction; caused changes in traditional society; religious and faiths conflict arise among families, clans, villages, those joined religion and those are not belong to religion; caused serious consequence of economic. Especially, the propagation of Protestantism to H'Mong people and the ĐEGA in Tay Nguyen at recent time indicates a long-term sabotage by the outside enemies.